

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /ĐĐBQH-VP
V/v xin ý kiến dự án
Luật Đặc xá (sửa đổi)

Trà Vinh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

- Kính gửi:
- Thường trực, Trưởng các Ban HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 - Lãnh đạo sở, ngành tỉnh: Tư pháp; Công an; Bộ Chỉ huy Quân sự; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Tòa án nhân dân; Viện Kiểm sát nhân dân;
 - Lãnh đạo các Văn phòng: Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
 - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh về việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào các dự án Luật trình tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh gửi đến các đơn vị dự án *Luật Đặc xá (sửa đổi)* để xin ý kiến đóng góp. Đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai phổ biến và lấy ý kiến rộng rãi đến các đối tượng có liên quan; tập trung đóng góp vào các vấn đề quan trọng, thực tế, quan điểm, nguyên tắc; đồng thời phải được Thủ trưởng đơn vị thông qua, ký duyệt và đảm bảo thời gian theo yêu cầu.


Các đơn vị thực hiện việc đóng góp ý kiến *bằng văn bản* (2 bản) đối với dự thảo Luật nêu trên và gửi về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trước ngày 06/9/2018, đồng thời gửi bằng file điện tử qua địa chỉ: vpddbqhtv@travinh.gov.vn

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LE Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LEVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÍNH VĂN PHÒNG



Kim Vui

Kim Vui

Luật số: /2018/QH14

(DỰ THẢO
Xin ý kiến các Đoàn ĐBQH)

LUẬT ĐẶC XÁ (SỬA ĐỔI)

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Đặc xá (sửa đổi).*

, Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về thời điểm, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện đặc xá; điều kiện, quyền và nghĩa vụ của người được đề nghị đặc xá; quyền và nghĩa vụ của người được đặc xá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân.
2. Cơ quan, tổ chức, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cá nhân nước ngoài cư trú, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến hoạt động đặc xá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đặc xá* là sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước do Chủ tịch nước quyết định tha tù trước thời hạn cho người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước hoặc trong trường hợp đặc biệt.
2. *Quyết định về đặc xá* là văn bản do Chủ tịch nước ban hành quy định thời điểm đặc xá, đối tượng, điều kiện của người được đề nghị đặc xá nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước, và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện đặc xá;
3. *Quyết định đặc xá* là văn bản của Chủ tịch nước quyết định tha tù trước thời hạn cho người quy định tại khoản 1 Điều này;
4. *Hội đồng tư vấn đặc xá* là tổ chức liên ngành gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan do Chủ tịch nước quyết định thành lập để triển khai thực hiện

Quyết định về đặc xá và tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch nước thực hiện hoạt động đặc xá.

5. *Tổ thẩm định liên ngành* là tổ chức liên ngành gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập để thẩm định danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện đặc xá

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Bảo đảm dân chủ, công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

3. Bảo đảm yêu cầu về đối nội, đối ngoại, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 5. Thời điểm đặc xá

1. Chủ tịch nước xem xét, quyết định về đặc xá nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước.

2. Chủ tịch nước xem xét, quyết định đặc xá trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng yêu cầu đối nội, đối ngoại của Nhà nước không phụ thuộc vào thời điểm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước trong đặc xá

Nhà nước động viên, khuyến khích người bị kết án phạt tù ăn năn hối cải, tích cực học tập, lao động cải tạo để được hưởng đặc xá; tạo điều kiện thuận lợi cho người được đặc xá tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng ngừa tái phạm tội, vi phạm pháp luật và phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện đặc xá

1. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị đặc xá cho người không đủ điều kiện được đặc xá; không đề nghị đặc xá cho người có đủ điều kiện được đặc xá; cản trở người bị kết án phạt tù thực hiện quyền được đề nghị đặc xá.

2. Đưa, nhận, môi giới hối lộ, sách nhiễu trong việc thực hiện đặc xá.

3. Cố ý cấp, xác nhận giấy tờ, tài liệu liên quan đến người được đề nghị đặc xá trái quy định của pháp luật.

4. Từ chối cấp, xác nhận giấy tờ, tài liệu mà theo quy định của pháp luật người được đề nghị đặc xá phải được cấp, xác nhận.

5. Giả mạo giấy tờ, tài liệu liên quan đến người được đề nghị đặc xá.

Chương II

ĐẶC XÁ NHÂN SỰ KIẾN TRỌNG ĐẠI, NGÀY LỄ LỚN CỦA ĐẤT NƯỚC

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRÌNH CHỦ TỊCH NƯỚC BAN HÀNH, CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH VỀ ĐẶC XÁ; THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐẶC XÁ

Điều 8. Trình tự, thủ tục trình Chủ tịch nước ban hành Quyết định về đặc xá

Theo yêu cầu của Chủ tịch nước hoặc trong trường hợp Chính phủ đề nghị đặc xá được Chủ tịch nước chấp nhận, Chính phủ chủ trì, phối hợp với Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng Tờ trình của Chính phủ và dự thảo Quyết định về đặc xá. Tờ trình và dự thảo Quyết định về đặc xá phải được trình lên Chủ tịch nước chậm nhất là 60 ngày trước thời điểm đặc xá để Chủ tịch nước xem xét, ban hành Quyết định về đặc xá.

Điều 9. Công bố, thông báo, niêm yết Quyết định về đặc xá

1. Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố Quyết định về đặc xá. Quyết định về đặc xá được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Sau khi Quyết định về đặc xá được công bố thì được niêm yết tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

Điều 10. Thành lập Hội đồng tư vấn đặc xá

1. Khi có Quyết định về đặc xá, Chủ tịch nước quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đặc xá gồm một Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch và các uỷ viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức sau đây:

- a) Bộ Công an;
- b) Bộ Quốc phòng;
- c) Bộ Tư pháp;
- d) Bộ Ngoại giao;
- đ) Toà án nhân dân tối cao;
- e) Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- g) Văn phòng Chủ tịch nước;
- h) Văn phòng Chính phủ;
- i) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- k) Cơ quan, tổ chức khác có liên quan do Chủ tịch nước quyết định khi thấy cần thiết.

2. Bộ Công an là cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá.

Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá giúp Hội đồng tư vấn đặc xá thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 26 của Luật này.

Mục 2
ĐIỀU KIỆN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA
NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ

Điều 11. Điều kiện được đề nghị đặc xá

1. Người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, người đang chấp hành án phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn; người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt và được xếp loại chấp hành án phạt tù khá hoặc tốt;

b) Đã chấp hành án phạt tù được một thời gian do Chủ tịch nước quyết định nhưng ít nhất là một phần ba thời gian đối với trường hợp bị phạt tù có thời hạn, nếu trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù; đã chấp hành án phạt tù ít nhất là 14 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn, nếu sau khi đã được giảm xuống tù có thời hạn mà tiếp tục được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm sau đó không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù.

Người bị kết án về một trong các tội quy định tại các điều 115, 116, 117, 118, 120 và 121 Chương XIII của Bộ luật Hình sự; người bị kết án 10 năm tù trở lên về một trong các tội quy định tại Chương XIV của Bộ luật Hình sự do cố ý hoặc người bị kết án 07 năm tù trở lên đối với một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 248, 251 và 252 của Bộ luật Hình sự đã chấp hành được ít nhất một phần hai thời gian đối với trường hợp bị phạt tù có thời hạn, nếu trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù; đã chấp hành án phạt tù ít nhất là 17 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn, nếu sau khi đã được giảm xuống tù có thời hạn mà tiếp tục được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm sau đó không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù.

c) Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, đã nộp án phí hoặc có quyết định của Tòa án có thẩm quyền miễn chấp hành hình phạt tiền, miễn nộp án phí.

d) Đối với người bị kết án phạt tù về các tội phạm tham nhũng hoặc một số tội phạm khác được Chủ tịch nước quyết định trong mỗi lần đặc xá phải thực hiện xong nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác, trừ trường hợp có quyết định của thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự

hoặc có văn bản của người được thi hành án đồng ý hoãn thi hành án, không yêu cầu thi hành án đối với tài sản không thuộc sở hữu của Nhà nước.

đ) Khi được đặc xá không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự;

e) Không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 12 của Luật này.

g) Đối với người được đề nghị đặc xá là người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, ngoài các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này thì phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

2. Người có đủ điều kiện quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này được Chủ tịch nước quyết định thời gian đã chấp hành án phạt tù ngắn hơn so với thời gian quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã lập công lớn trong thời gian chấp hành án phạt tù, có xác nhận của trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;

b) Người có công với cách mạng; người được tặng thưởng danh hiệu Dũng sỹ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; người có thành tích trong xây dựng chủ nghĩa xã hội được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lao động; người được tặng thưởng một trong các loại Huân chương, Huy chương kháng chiến; cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ và người có công nuôi dưỡng liệt sỹ khi còn nhỏ; con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" và vợ, chồng, con của người đó.

c) Người đang mắc bệnh hiểm nghèo; người đang ốm đau thường xuyên mà không tự phục vụ bản thân được, không còn nguy hiểm cho xã hội, có kết luận giám định y khoa hoặc xác nhận bằng văn bản của cơ quan y tế có thẩm quyền.

d) Khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Người từ đủ 70 tuổi trở lên;

e) Có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, bản thân là lao động duy nhất trong gia đình, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gia đình người đó cư trú;

g) Phụ nữ đang có thai hoặc có con dưới 36 tháng tuổi;

h) Người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

i) Trường hợp khác do Chủ tịch nước quyết định theo đề nghị của Chính phủ.

3. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù có đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc người dưới 18 tuổi đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù có đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và chấp

hành nghiêm chỉnh pháp luật trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được Chủ tịch nước quyết định thời gian đã chấp hành án phạt tù ngắn hơn so với thời gian quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 12. Các trường hợp không được đề nghị đặc xá

Người có đủ điều kiện quy định tại Điều 11 của Luật này không được đề nghị đặc xá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Người bị kết án phạt tù về một trong các tội quy định tại Điều 108 (tội phản bội Tổ quốc), Điều 109 (tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân), Điều 110 (tội gián điệp), Điều 112 (tội bạo loạn), Điều 113 (tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân); một trong các tội quy định tại Chương XXVI (Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) và Điều 299 (tội khủng bố) của Bộ luật Hình sự.

2. Bản án, phần bản án hoặc quyết định của Tòa án đối với người đó đang bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự;

3. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác;

4. Trước đó đã được đặc xá;

5. Có từ 02 tiền án trở lên;

6. Trường hợp khác do Chủ tịch nước quyết định theo đề nghị của Chính phủ.

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của người được đề nghị đặc xá

1. Được phổ biến chính sách, pháp luật về đặc xá; thông báo Quyết định về đặc xá, văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện của người được đề nghị đặc xá và thông tin khác về đặc xá liên quan đến người được đề nghị đặc xá.

2. Liên hệ với thân nhân, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thu thập giấy tờ, tài liệu cần thiết cho việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị đặc xá.

3. Cung cấp giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền đề nghị đặc xá; khai báo đầy đủ, trung thực thông tin về cá nhân liên quan đến việc đề nghị đặc xá.

4. Khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Chương V của Luật này.

Mục 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ, THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẶC XÁ

Điều 14. Hồ sơ đề nghị đặc xá

1. Đơn xin đặc xá.

2. Tài liệu chứng minh về cá nhân, hoàn cảnh gia đình của người được đề nghị đặc xá.

3. Tài liệu chứng minh đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, án phí. Trường hợp được miễn chấp hành hình phạt tiền, miễn nộp án phí thì phải có Quyết định của Tòa án có thẩm quyền.

Đối với người bị kết án phạt tù về các tội phạm tham nhũng hoặc một số tội phạm khác được Chủ tịch nước quyết định trong mỗi lần đặc xá thì phải có tài liệu chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại hoặc nghĩa vụ dân sự khác; trường hợp chưa thi hành xong mà chưa có điều kiện thi hành án dân sự thì phải có quyết định của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền về chưa có điều kiện thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự; trường hợp được người được thi hành án đồng ý hoãn thi hành án hoặc không yêu cầu thi hành án đối với tài sản không thuộc sở hữu của Nhà nước thì phải có tài liệu chứng minh.

4. Bản cam kết không vi phạm pháp luật, chấp hành đầy đủ hình phạt bổ sung không phải hình phạt tiền, nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác sau khi được đặc xá.

5. Văn bản đề nghị đặc xá của Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Trường hợp người được đề nghị đặc xá là người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì phải có văn bản đề nghị đặc xá của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu và văn bản nhận xét của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó về việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

6. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 15. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá

1. Ngay sau khi Quyết định về đặc xá được công bố, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải niêm yết, phổ biến cho người đang chấp hành án phạt tù biết.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày được niêm yết, phổ biến Quyết định về đặc xá, người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn căn cứ các điều kiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Luật này làm đơn xin đặc xá.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định về đặc xá được niêm yết, phổ biến, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập danh sách, hồ sơ người đủ điều kiện đề nghị đặc xá như sau:

a) Giám thị trại giam thuộc Bộ Công an lập danh sách, hồ sơ của người đủ điều kiện đề nghị đặc xá gửi Tổ thẩm định liên ngành.

b) Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an lập danh sách, hồ sơ người đủ điều kiện đề nghị đặc xá, báo cáo lãnh đạo cơ quan quản lý trực tiếp để gửi Tổ thẩm định liên ngành.

c) Giám thị trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập danh sách, hồ sơ người đủ điều kiện đề nghị đặc xá báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để gửi Tổ thẩm định liên ngành.

d) Người bị kết án phạt tù đang chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện được trích xuất để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử nhưng không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác thì trại giam, trại tạm giam hoặc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đang quản lý hồ sơ gốc của người được trích xuất đó lập hồ sơ đề nghị đặc xá, nếu họ có đủ điều kiện đề nghị đặc xá. Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận người được trích xuất nhưng không quản lý hồ sơ gốc có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đang quản lý hồ sơ gốc của người được trích xuất lập hồ sơ đề nghị đặc xá cho họ.

đ) Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng hoặc trại giam, trại tạm giam cấp quân khu lập danh sách, hồ sơ người có đủ điều kiện được đề nghị đặc xá báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng để gửi Tổ thẩm định liên ngành.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Quyết định về đặc xá được công bố, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù có trách nhiệm thông báo Quyết định về đặc xá, lập danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá gửi Tổ thẩm định liên ngành.

Trường hợp người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cư trú ở địa phương ngoài địa giới hành chính của Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ, thì Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ thông báo cho Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực nơi người đang được tạm đình chỉ cư trú lập danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá, chuyển đến Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ để tổng hợp, gửi Tổ thẩm định liên ngành.

4. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam và Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu có trách nhiệm thông báo, niêm yết công khai danh sách người được đề nghị đặc xá.

5. Giám thị trại giam, Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ

trường cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật này về kết quả lập danh sách, hồ sơ người được đề nghị đặc xá để kiểm sát trước khi gửi Tổ thẩm định liên ngành.

6. Giám thị trại giam thuộc Bộ Công an, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu căn cứ kết quả thẩm định của Tổ thẩm định liên ngành lập danh sách, hồ sơ người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá và danh sách, hồ sơ người không đủ điều kiện được đề nghị đặc xá theo kết quả thẩm định gửi Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá để tập hợp và chuyển đến các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá nghiên cứu, thẩm tra.

7. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn chi tiết áp dụng các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 16. Thẩm định hồ sơ đề nghị đặc xá

1. Tổ thẩm định liên ngành thẩm định danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thủ trưởng các cơ quan quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 của Luật này gửi danh sách, hồ sơ cho Tổ thẩm định liên ngành.

2. Tổ thẩm định liên ngành tổng hợp kết quả thẩm định, lập biên bản thẩm định kèm theo danh sách người đủ điều kiện đặc xá, danh sách người không đủ điều kiện đặc xá gửi cho Thủ trưởng các cơ quan đã gửi danh sách, hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 của Luật này để hoàn thiện danh sách, hồ sơ người đủ điều kiện đặc xá theo kết quả thẩm định và chuyển đến Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá.

Điều 17. Thẩm tra, duyệt, kiểm tra hồ sơ đề nghị đặc xá và trình Chủ tịch nước danh sách đề nghị đặc xá

1. Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá tập hợp danh sách, hồ sơ người có đủ điều kiện đề nghị đặc xá, người không đủ điều kiện đề nghị đặc xá do Thủ trưởng các cơ quan quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 của Luật này lập theo kết quả của Tổ thẩm định liên ngành; chuyển danh sách kèm theo Phiếu đề nghị đặc xá đến các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá để thẩm tra.

2. Thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá nghiên cứu, thẩm tra danh sách, Phiếu đề nghị đặc xá; trường hợp cần thiết có thể yêu cầu Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá giải trình, cung cấp tài liệu bổ sung. Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá có

trách nhiệm tổng hợp ý kiến của thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá, trình Hội đồng tư vấn đặc xá xem xét, quyết định.

3. Hội đồng tư vấn đặc xá tổ chức duyệt danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá do Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá trình; tổng hợp và lập danh sách người đủ điều kiện đặc xá để trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

4. Văn phòng Chủ tịch nước rà soát, kiểm tra danh sách, hồ sơ những người đã được Hội đồng tư vấn đặc xá đề nghị trình Chủ tịch nước quyết định.

Điều 18. Thực hiện Quyết định đặc xá

1. Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố Quyết định đặc xá. Quyết định đặc xá được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Quyết định đặc xá và danh sách người được đặc xá được niêm yết tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ nơi người được đặc xá đang chấp hành án và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú; trường hợp người được đặc xá là người đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý người đó.

2. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu tổ chức công bố và thực hiện Quyết định đặc xá đối với người được đặc xá.

3. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Giám thị trại giam thuộc cấp quân khu cấp Giấy chứng nhận đặc xá cho người đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam được đặc xá.

Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đặc xá cho người đang chấp hành án phạt tù tại trại tạm giam Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện được đặc xá.

Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu cấp Giấy chứng nhận đặc xá cho người đang chấp hành án phạt tù tại trại tạm giam thuộc cấp quân khu được đặc xá.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu cấp Giấy chứng nhận đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được đặc xá.

4. Người đã cấp Giấy chứng nhận đặc xá có trách nhiệm gửi bản sao giấy chứng nhận đó cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan chịu trách nhiệm thi hành các hình phạt bổ sung, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định chưa có điều kiện thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội, tổ chức nơi người được đặc xá về cư trú, làm việc, cơ quan nhận phạm nhân trích xuất.

Trường hợp không xác định được nơi người được đặc xá về cư trú thì người đã cấp Giấy chứng nhận đặc xá có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức để tiếp nhận người được đặc xá và gửi Giấy chứng nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó về cư trú hoặc làm việc.

Điều 19. Thực hiện Quyết định đặc xá đối với người nước ngoài

1. Khi có Quyết định đặc xá đối với người nước ngoài, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người được đặc xá là công dân biết và đề nghị phối hợp thực hiện Quyết định đặc xá.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của người được đặc xá

1. Người được đặc xá có quyền:

- a) Được cấp Giấy chứng nhận đặc xá;
- b) Được chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan tạo điều kiện, giúp đỡ để hoà nhập với gia đình và cộng đồng;
- c) Được hưởng các quyền khác như đối với người đã chấp hành xong án phạt tù theo quy định của pháp luật.

2. Người được đặc xá có nghĩa vụ:

- a) Xuất trình Giấy chứng nhận đặc xá với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú;
- b) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết;
- c) Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước.

3. Người được đặc xá là người nước ngoài có các quyền theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này; có nghĩa vụ theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 21. Hướng dẫn về trình tự, thủ tục lập danh sách, thẩm định, thẩm tra hồ sơ đề nghị đặc xá

1. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập danh sách, thẩm định, thẩm tra hồ sơ đề nghị đặc xá và thực hiện Quyết định về đặc xá

2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn, phối hợp thực hiện việc lập danh sách, xét duyệt hồ sơ đề nghị đặc xá.

Chương III

ĐẶC XÁ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 22. Người được đặc xá trong trường hợp đặc biệt

Trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng yêu cầu về đối nội, đối ngoại của Nhà nước, Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo, người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người đang được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người đang chấp hành án phạt tù chung thân mà không phụ thuộc vào các điều kiện quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Luật này.

Điều 23. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt

1. Theo yêu cầu của Chủ tịch nước hoặc theo đề nghị của Chính phủ được Chủ tịch nước chấp nhận, Chính phủ chủ trì, phối hợp với Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập hồ sơ đề nghị đặc xá trình để Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Công an chịu trách nhiệm lập hồ sơ của người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân, người được hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, báo cáo Chính phủ để trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Toà án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm lập hồ sơ của người đang được tạm đình chỉ, hoãn chấp hành án phạt tù gửi Chính phủ để trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

3. Văn phòng Chủ tịch nước rà soát, kiểm tra hồ sơ những người được Chính phủ đề nghị trình Chủ tịch nước quyết định.

Điều 24. Thực hiện Quyết định đặc xá trong trường hợp đặc biệt

1. Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước trong trường hợp đặc biệt.

2. Việc thực hiện Quyết định đặc xá đối với người nước ngoài trong trường hợp đặc biệt được áp dụng theo quy định tại Điều 19 của Luật này.

3. Người được đặc xá trong trường hợp đặc biệt có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 20 của Luật này.

Chương IV

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
TRONG VIỆC THỰC HIỆN ĐẶC XÁ**

Điều 25. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Đề nghị Chủ tịch nước đặc xá nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước và trong trường hợp đặc biệt.

2. Ban hành văn bản quy định chi tiết theo quy định tại khoản 4 Điều 11, khoản 6 Điều 14, khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 21 và khoản 4 Điều 35 của Luật này.

3. Chỉ đạo việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, mục đích và nội dung của hoạt động đặc xá.

4. Chỉ đạo Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các cơ quan khác của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện đặc xá theo quy định của Luật này và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Điều 26. Trách nhiệm của Hội đồng tư vấn đặc xá

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định về đặc xá;
2. Thẩm tra, duyệt hồ sơ đề nghị đặc xá, danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá, danh sách người không đủ điều kiện đề nghị đặc xá do Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá trình;
3. Tổng hợp, lập danh sách người đủ điều kiện đặc xá trình Chủ tịch nước quyết định;
4. Thực hiện nhiệm vụ khác về đặc xá do Chủ tịch nước giao.

Điều 27. Trách nhiệm của Văn phòng Chủ tịch nước

1. Rà soát, kiểm tra danh sách, hồ sơ những người được Hội đồng tư vấn đặc xá hoặc Chính phủ đề nghị trình Chủ tịch nước quyết định.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố Quyết định về đặc xá, Quyết định đặc xá.
3. Thực hiện các nhiệm vụ khác về đặc xá được Chủ tịch nước giao.

Điều 28. Trách nhiệm của Tổ thẩm định liên ngành

1. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập Tổ thẩm định liên ngành gồm đại diện các cơ quan, tổ chức sau đây:

- a) Bộ Công an;
- b) Bộ Quốc phòng;
- c) Bộ Tư pháp;
- d) Toà án nhân dân tối cao;
- đ) Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- e) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- g) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

2. Tổ thẩm định liên ngành có trách nhiệm thẩm định danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an và Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện việc lập danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá, tổ chức thực hiện Quyết định về đặc xá, Quyết định đặc xá theo quy định tại khoản 7 Điều 15, Điều 18 và khoản 2 Điều 21 của Luật này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chủ trì phối hợp với Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động đặc xá tại các trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp huyện.

3. Chỉ đạo Công an các cấp phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc quản lý, giáo dục và giúp đỡ người được đặc xá trở về địa phương sớm ổn định cuộc sống và phòng ngừa vi phạm pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện việc lập danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá; tổ chức thực hiện Quyết định về đặc xá, Quyết định đặc xá theo quy định tại khoản 7 Điều 15, Điều 18 và khoản 2 Điều 21 của Luật này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 31. Trách nhiệm của Toà án nhân dân tối cao

1. Phối hợp với Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hoạt động đặc xá.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực lập danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá; tổ chức thực hiện đặc xá theo quy định tại khoản 7 Điều 15, Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 23 và khoản 1 Điều 24 của Luật này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 32. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Trực tiếp kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước tại trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, trại tạm giam thuộc cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 và Điều 18 của Luật này.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước tại trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, trại tạm giam thuộc cấp quân khu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 và Điều 18 của Luật này.

3. Viện kiểm sát nhân dân có quyền yêu cầu, kiến nghị khi kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước; kiểm sát việc

giải quyết khiếu nại của giám thị, thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu đối với việc lập danh sách người được đề nghị đặc xá nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước.

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chỉ đạo cơ quan thi hành án dân sự phối hợp với trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực trong việc:

a) Cung cấp thông tin, giấy tờ có liên quan đến nghĩa vụ thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự của người được đề nghị đặc xá;

b) Nhận chuyển giao giấy tờ, tiền, tài sản mà người phải thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ dân sự khác đã nộp;

2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức khác thực hiện các hoạt động khác liên quan đến công tác đặc xá theo quy định của Luật này.

Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Đề xuất Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định đặc xá cho phạm nhân là người nước ngoài trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 23 của Luật này.

2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan thực hiện tuyên truyền đối ngoại về công tác đặc xá; phối hợp thực hiện Quyết định đặc xá đối với người được đặc xá là người nước ngoài và các hoạt động khác liên quan đến công tác đặc xá theo quy định của Luật này.

Điều 35. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Tuyên truyền, phổ biến Luật đặc xá, Quyết định về đặc xá của Chủ tịch nước và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nhân thân; cấp giấy chứng nhận, xác nhận về việc chấp hành chính sách, pháp luật hoặc hoàn cảnh gia đình hoặc các giấy tờ, tài liệu cần thiết khác của người được đề nghị đặc xá.

3. Tiếp nhận, tạo điều kiện, giúp đỡ người được đặc xá trở về hoà nhập với gia đình và cộng đồng, tạo việc làm, ổn định cuộc sống và trở thành người có ích cho xã hội.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 36. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

1. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, phổ biến Luật đặc xá, Quyết định về đặc xá của Chủ tịch nước và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phối hợp với chính quyền địa phương tạo điều kiện, giúp đỡ người được đặc xá trở về hoà nhập với gia đình và cộng đồng, phòng ngừa tái phạm, tạo việc làm, ổn định cuộc sống và trở thành người có ích cho xã hội.

3. Giám sát thực hiện công tác đặc xá và pháp luật về đặc xá theo quy định của pháp luật.

•Chương V

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 37. Khiếu nại về việc lập danh sách người được đề nghị đặc xá nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước

1. Người có đơn xin đặc xá có quyền khiếu nại về việc người đó có đủ điều kiện nhưng không được Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu đưa vào danh sách người được đề nghị đặc xá.

2. Người khiếu nại có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khiếu nại.

3. Thời hạn khiếu nại là 05 ngày, kể từ ngày Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thông báo, niêm yết danh sách người được đề nghị đặc xá.

Điều 38. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại

1. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Quyết định giải quyết khiếu nại phải được gửi ngay cho người khiếu nại biết và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu để kiểm sát.

2. Trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền tiếp tục khiếu

nại; Viện kiểm sát có quyền kiến nghị đến Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm giải quyết, nếu chấp nhận khiếu nại, kiến nghị thì đưa vào danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá; nếu không chấp nhận thì đưa vào danh sách người không đủ điều kiện đề nghị đặc xá và thông báo cho người khiếu nại, Viện kiểm sát kiến nghị biết.

Điều 39. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện đặc xá

Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện đặc xá.

Việc giải quyết tố cáo trong việc thực hiện đặc xá theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày **01 tháng 7 năm 2019**.
2. Luật Đặc xá số 07/2007/QH12 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng năm 2018.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân